

Số: 7985 /KH-UBND

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 10 năm 2015

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Chương trình khuyến công tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020;

Thực hiện Nghị quyết số 154/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của HĐND tỉnh về Chương trình khuyến công tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-2020; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình khuyến công tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-2020 như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích:

Huy động các nguồn lực trong và ngoài tỉnh tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp nông thôn, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp và các dịch vụ khuyến công, góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững, nhất là công nghiệp chế biến nông - lâm sản và cơ khí phục vụ nông nghiệp, tạo việc làm, tăng thu nhập, bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới.

### 2. Yêu cầu:

- Thực hiện có hiệu quả các nội dung của Nghị quyết số 154/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của HĐND tỉnh về Chương trình khuyến công tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-2020;

- Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Sử dụng các nguồn lực hợp lý, có hiệu quả nhằm ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

## II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

### 1. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề

Hình thức đào tạo nghề, truyền nghề chủ yếu là ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành, đào tạo nghề gắn với sử dụng lao động tại chỗ của các cơ sở, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động; ưu tiên đào tạo các cơ sở sử dụng nhiều lao động; các nghề có tiềm năng thế mạnh của tỉnh, phát triển nghề cho các xã được chọn làm điểm xây dựng nông thôn mới.

Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề ngắn hạn từ 1 đến 3 tháng, nhóm nghề chế biến nông lâm sản và may mặc, các ngành nghề khác với số lượng 150 lao động.

**2. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn (SXSH) trong sản xuất công nghiệp thông qua các hoạt động tư vấn, tập huấn, đào tạo, hội thảo, diễn đàn; khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước. Hỗ trợ khởi sự, thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn. Hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm công nghiệp nông thôn**

Khuyến khích hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư vào sản xuất công nghiệp, thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác; khuyến khích việc chuyển các hộ kinh doanh cá thể sang hoạt động theo Hợp tác xã, doanh nghiệp để có điều kiện mở rộng quy mô sản xuất; trang bị kiến thức nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; nhận thức về áp dụng SXSH cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; nâng cao kiến thức về sơ chế và bảo quản nông sản, tạo điều kiện cho họ có khả năng cạnh tranh trên thị trường theo hướng phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

- Tổ chức các khóa đào tạo tập huấn khởi sự, quản trị doanh nghiệp cho 500 học viên;

- Tổ chức tập huấn kỹ thuật sơ chế bảo quản nông sản cho 1.500 học viên;

- Tổ chức tập huấn kiến thức nâng cao nhận thức về lợi ích của SXSH cho 250 học viên;

- Tổ chức 05 đoàn khảo sát học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công;

- Hỗ trợ thành lập 10 doanh nghiệp sản xuất CN-TTCN;

- Tư vấn lập dự án, báo cáo đầu tư kế hoạch sản xuất kinh doanh cho 50 cơ sở.

**3. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn**

Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới và mô hình thí điểm SXSH trong công nghiệp. Xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ sản xuất tiên tiến trong lĩnh vực chế biến nông lâm sản, thực phẩm, cơ khí phục vụ nông nghiệp, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chế biến khoáng sản.

- Xây dựng 05 mô hình trình diễn kỹ thuật công nghệ mới, sản phẩm mới; nhân rộng 05 mô hình đang sản xuất có hiệu quả;

- Hỗ trợ 100 cơ sở CNNT ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, tiên tiến trong sản xuất.

**4. Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, thông qua tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm. Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu và đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại khác**

Việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, tỉnh được tổ chức 02 năm 01 lần. Trên cơ sở đó, lựa chọn sản phẩm đạt giải để tham gia bình chọn cấp khu vực.

Hỗ trợ các cơ sở CN-TTCN và làng nghề giới thiệu sản phẩm với khách hàng trong và ngoài tỉnh, tạo điều kiện để tiếp cận khai thác, mở rộng thị trường, nắm bắt nhu cầu thị hiếu người tiêu dùng, thay đổi mẫu mã và đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm.

- Tổ chức 03 đợt bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, lựa chọn khoảng 10 sản phẩm đạt giải cấp huyện, 4-5 sản phẩm đạt giải cấp tỉnh tham gia bình chọn cấp khu vực;

- Hỗ trợ 50 lượt cơ sở CN-TTCN tham gia hội chợ triển lãm trong khu vực với khoảng 100 gian hàng trưng bày, giới thiệu sản phẩm;

- Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu cho 05 doanh nghiệp.

#### **5. Tư vấn trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn**

Hỗ trợ các cơ sở lập dự án đầu tư, marketing, quản lý sản xuất, tài chính, kế toán; thành lập doanh nghiệp, liên doanh liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói, ứng dụng công nghệ - thiết bị mới; tư vấn hướng dẫn hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp nhận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

- Tổ chức 02 cuộc điều tra khảo sát về ngành nghề, lao động, khai thác chế biến khoáng sản, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp;

- Hỗ trợ lập báo cáo kiểm toán năng lượng, đánh giá sản xuất sạch hơn cho 10 doanh nghiệp;

- Hỗ trợ tư vấn khuyến công khác cho 30 cơ sở.

#### **6. Cung cấp thông tin về chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công**

Xây dựng, duy trì trang Trang thông tin điện tử; xây dựng chương trình công nghiệp và phát triển phát trên sóng đài truyền hình tỉnh Đắk Lắk; xuất bản bản tin công thương nhằm phổ biến tuyên truyền các chính sách của Đảng, pháp

luật của Nhà nước, các chính sách thu hút, ưu đãi đầu tư, phổ biến kiến thức, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình tiên tiến, công nghệ mới, sản phẩm mới trong sản xuất công nghiệp, thị trường và các thông tin khác cho cơ sở.

- Duy trì phát triển 01 Trang thông tin điện tử Công Thương;
- Xây dựng, phát sóng 40 chuyên mục truyền hình công nghiệp và phát triển;
- Hỗ trợ quảng bá cho 50 cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn thông qua công thông tin điện tử;
- Xuất bản 10 bản tin Công Thương.

### **7. Hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp**

Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, làng nghề theo quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2025.

- Hỗ trợ đầu tư cho 09 cụm công nghiệp và 01 làng nghề;
- Hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn thành lập 02 hội ngành nghề như sản xuất thủ công mỹ nghệ, chế biến nông, lâm sản.

### **8. Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công**

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản liên quan nhằm hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế chính sách về hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh; tổ chức hội thảo chuyên đề, sơ tổng kết về hoạt động khuyến công; tổ chức kiểm tra, giám sát, hướng dẫn để nâng cao hiệu quả của hoạt động khuyến công từ tỉnh đến huyện, xã.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, sơ tổng kết thực hiện kế hoạch 05 năm;
- Tập huấn nâng cao năng lực thực hiện công tác khuyến công cho 150 người. (Chi tiết nội dung khuyến công như Biểu 01 kèm theo).

## **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí khuyến công địa phương hàng năm dành cho hoạt động khuyến công tỉnh Đắk Lắk được trích ở mức tối thiểu là 0,1% trên tổng thu ngân sách của tỉnh, khoảng 3,5 tỷ đồng/năm, từ các nguồn: Kinh phí trung ương, kinh phí khuyến công tỉnh cấp và kinh phí đối ứng của đơn vị thụ hưởng.

Tổng kinh phí thực hiện hoạt động khuyến công giai đoạn 2016 - 2020 dự kiến là: **136.750 triệu đồng**. Trong đó:

- Kinh phí khuyến công quốc gia : 33.000 triệu đồng, chiếm 24,1%;
- Kinh phí khuyến công địa phương : 17.575 triệu đồng, chiếm 12,8%;
- Kinh phí đối ứng của đơn vị thụ hưởng: 86.175 triệu đồng, chiếm 63,1%.

## Phân theo từng năm:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn kinh phí	Tổng cộng	Các năm				
			2016	2017	2018	2019	2020
01	Kinh phí khuyến công địa phương	17.575	3.635	3.455	3.635	3.405	3.445
02	Kinh phí khuyến công quốc gia	33.000	6.600	6.600	6.600	6.600	6.600
03	Kinh phí đối ứng của đơn vị thụ hưởng	86.175	17.200	17.287,5	17.200	17.287,5	17.200
<b>Tổng cộng</b>		<b>136.750</b>	<b>27.435</b>	<b>27.342,5</b>	<b>27.435</b>	<b>27.292,5</b>	<b>27.245</b>

(Chi tiết từng nội dung và kinh phí thực hiện như Biểu số 02 kèm theo).

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Công Thương:

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động Khuyến công trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Tài chính, các ngành, tổ chức chính trị - xã hội có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm và phối hợp với các tổ chức triển khai thực hiện theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ Chương trình khuyến công giai đoạn 2016 - 2020;

- Phê duyệt kế hoạch chi tiết và dự toán kinh phí hàng năm để tổ chức thực hiện; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, định kỳ hàng năm, tổng kết đánh giá hiệu quả, báo cáo UBND tỉnh, Cục Công nghiệp địa phương - Bộ Công Thương về tình hình thực hiện kế hoạch;

- Tham gia xúc tiến, kêu gọi đầu tư các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, các tổ chức kinh tế đến đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Cung cấp thông tin, tìm kiếm thị trường cho các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn;

- Phối hợp, hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn, các làng nghề tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, nguồn cung cấp nguyên liệu, tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm.

### 2. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này cho phù hợp với tình hình ngân sách của tỉnh theo từng năm để thực hiện có hiệu quả Chương trình khuyến công tỉnh Đắc Lắc giai đoạn 2016 - 2020;

- Phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình theo đúng quy định hiện hành.

### 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Phối hợp với Sở Công Thương xây dựng và trình UBND tỉnh những cơ chế chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn;

- Tổ chức các chương trình hợp tác, xúc tiến đầu tư nhằm thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước cho hoạt động khuyến công của địa phương.

### 4. Các sở, ngành, tổ chức có liên quan:

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương thực hiện Kế hoạch.

### 5. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Xây dựng kế hoạch khuyến công hàng năm theo nội dung của Chương trình khuyến công tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020 gửi Sở Công Thương (thông qua Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh) trước ngày 01 tháng 6 hàng năm;

- Chỉ đạo Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh tổ chức thực hiện kế hoạch khuyến công hàng năm được phê duyệt;

- Phối hợp với các cấp, các ngành giải quyết kịp thời khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện cho công nghiệp nông thôn trên địa bàn phát triển.

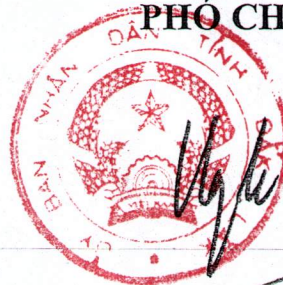
Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung kế hoạch này các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động triển khai thực hiện tại đơn vị, địa phương và phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ; tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch này theo định kỳ hàng năm, từng giai đoạn và báo cáo kết quả cho UBND tỉnh và Sở Công Thương.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động đề nghị Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết. /.

#### Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Công nghiệp địa phương – Bộ CT;
- Các Sở: CT, TC, KH&ĐT, NN&PTNT, KH&CN, LĐT&XH;
- BQL các Khu Công nghiệp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CPV, các PCVP UBND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk, Cổng TTĐT tỉnh;
- Các Phòng: TH, TCTM, NN&MT;
- Lưu: VT, CN (Tr 45).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hải Ninh**

**Biểu 01. NỘI DUNG KHUYẾN CÔNG TỈNH ĐẮK LẮK GIAI ĐOẠN 2016-2020**

*(Kèm theo Kế hoạch số 3985/KH-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh)*

TT	Nội dung và chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
<b>I</b>	<b>Nội dung 1: Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động</b>							
1	Số lao động mới đào tạo được	Lao động	50	50	50			150
<b>II</b>	<b>Nội dung 2: Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, nhận thức và năng lực áp dụng SXSH trong sản xuất công nghiệp thông qua chương trình</b>							
1	Số học viên được đào tạo khởi sự doanh nghiệp	Học viên	100	100	100	100	100	500
2	Số học viên được đào tạo nâng cao nhận thức về lợi ích SXSH	Học viên	50	50	50	50	50	250
3	Số hội thảo, tập huấn kỹ thuật, nghiệp vụ mới tổ chức được	Hội nghị	3	3	3	3	3	15
	Số đại biểu tham dự hội thảo tập huấn kỹ thuật, nghiệp vụ mới	Đại biểu	300	300	300	300	300	1500
4	Số đoàn tham quan khảo sát trong nước tổ chức được	Đoàn	1	1	1	1	1	5
	Số lượt người được hỗ trợ tham quan khảo sát trong nước	Lượt người	10	10	10	10	10	50
5	Số cơ sở công nghiệp nông thôn được hỗ trợ thành lập	Cơ sở	2	2	2	2	2	10
6	Tư vấn cho cơ sở CNNT	Cơ sở	10	10	10	10	10	50
<b>III</b>	<b>Nội dung 3: Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyên giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CN-TTCN; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng SXSH.</b>							
1	Số mô hình TDKT hỗ trợ xây dựng được	Mô hình	2	2	2	2	2	10
2	Số cơ sở CNNT được hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến	Cơ sở	20	20	20	20	20	100
<b>IV</b>	<b>Nội dung 4: Phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu, thông qua tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu. Hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm hàng CNNT, hàng thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia hội chợ, triển lãm. Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu và đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm và các hoạt động XTTM khác</b>							
1	Số sản phẩm CNNT tiêu biểu bình chọn được	Sản phẩm	5		5		5	15

TT	Nội dung và chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
2	Số lượt cơ sở CNNT được hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm	Cơ sở	10	10	10	10	10	50
3	Số gian hàng được hỗ trợ	Gian hàng	20	20	20	20	20	100
4	Số cơ sở CNNT được hỗ trợ xây dựng, đăng kí thương hiệu	Cơ sở	1	1	1	1	1	5
<b>V</b>	<b>Nội dung 5: Tư vấn trợ giúp các cơ sở CNNT</b>							
1	Số cơ sở công nghiệp nông thôn được hỗ trợ tư vấn	Cơ sở	6	6	6	6	6	30
2	Số cơ sở được đánh giá SXSH	Cơ sở	2	2	2	2	2	10
3	Tổ chức điều tra khảo sát ngành nghề	Cuộc	1		1			2
<b>VI</b>	<b>Nội dung 6: Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công thông qua chương trình</b>							
1	Số trung tâm dữ liệu điện tử, trang Website được duy trì	Trung tâm dữ liệu	1	1	1	1	1	5
2	Số bản báo tin/ấn phẩm xuất bản được	Bản tin/ấn phẩm	2	2	2	2	2	10
3	Số chương trình truyền hình, truyền thanh được xây dựng	Chương trình	8	8	8	8	8	40
4	Xây dựng dữ liệu thông tin cơ sở CNNT	Cơ sở	10	10	10	10	10	50
<b>VII</b>	<b>Nội dung 7: Hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp</b>							
1	Số CCN được hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng	Cụm	2	2	2	2	2	10
2	Hỗ trợ thành lập hội ngành nghề	Hội		1		1		2
<b>VIII</b>	<b>Nội dung 8: Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công</b>							
1	Số lớp đào tạo/hội nghị tập huấn nghiệp vụ về khuyến công được tổ chức	Lớp/Hội nghị	1	1	1	1	1	5
2	Số lượt người được đào tạo, tập huấn	Lượt người	30	30	30	30	30	150
3	Số Chương trình kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công được tổ chức	Chương trình	1	1	1	1	1	5



**Biểu 02. KINH PHÍ THỰC HIỆN KHUYẾN CÔNG TỈNH ĐẮK LẮK GIAI ĐOẠN 2016-2020**

*(Kèm theo Kế hoạch số 7985 /KH-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh)*

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tổng cộng		Kinh phí đối ứng
		KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	KCQG	KCĐP	
1	Nội dung 1: Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề		50		50		50						150	
2	Nội dung 2: Nâng cao năng lực quản lý		400		400		400		400		400		2.000	
3	Nội dung 3: Hỗ trợ mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật, hỗ trợ máy móc thiết bị tiên tiến	600	2000	600	2000	600	2000	600	2000	600	2000	3000	10000	16000
4	Nội dung 4: Phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu		255		175		255		175		265		1.125	175
5	Nội dung 5: Phát triển hoạt động tư vấn cung cấp thông tin		150				150						300	
6	Nội dung 6: Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công thông qua chương trình		330		330		330		330		330		1.650	
7	Nội dung 7: Hỗ trợ liên doanh liên kết và phát triển cụm công nghiệp, làng nghề, xử lý ô nhiễm môi trường	6000		6000	50	6000		6000	50	6000		30000	100	70000
8	Nội dung 8: Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công		450		450		450		450		450		2.250	
	<b>Cộng</b>	<b>6,600</b>	<b>3.635</b>	<b>6,600</b>	<b>3,455</b>	<b>6,600</b>	<b>3,635</b>	<b>6,600</b>	<b>3,405</b>	<b>6,600</b>	<b>3,445</b>	<b>33,000</b>	<b>17,575</b>	<b>86,175</b>